

Bản án số: 18 /2022/HS-ST
Ngày 08 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Chiêm và ông Phạm Ngọc Huấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Hứa Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Nông Văn T (tên gọi khác: không) sinh ngày 21/4/1980 tại xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn) lớp 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Đình L (Đã chết) và bà Lục Thị N (Đã chết); có vợ là Nông Thị H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 08/2007/HSST ngày 25/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã xử phạt bị cáo Nông Văn Tin 24 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/3/2022 đến ngày 28/6/2022, đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông Dương Văn T1, sinh năm 19xx, (Đã chết);

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

3. Người đại diện hợp pháp cho bị hại Dương Văn T1:

- + Bà Nông Thị L; sinh năm 19xx, là vợ bị hại (Có mặt);
- + Anh Dương Văn H, sinh năm 19xx, là con bị hại (Có mặt).
- + Anh Dương Văn Q, sinh năm 19xx, là con bị hại (Có mặt).
- + Anh Dương Văn T2, sinh năm 19xx, là con bị hại (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị L, anh Dương Văn H, anh Dương Văn T2 là anh Dương Văn Q theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/01/2022 (Có mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn Pò Nim, xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nông Thị H1, sinh năm 19xx, là vợ bị cáo, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

+ Nông Văn H2, sinh năm 19xx, (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

5. Người làm chứng:

+ Anh Lý Văn T3, sinh năm 19xx, (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

+ Anh Lý Văn T4 (Tên gọi khác Lý Văn T5), sinh năm 19xx (Có mặt).

+ Chị Hà Thị A, sinh năm 19xx, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

+ Chị Hoàng Thị D, sinh năm 19xx, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

+ Anh Nông Văn T5, sinh năm 19xx (Vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Vũ Thị H3, sinh năm: 19xx, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 31/12/2021, Nông Văn T điều khiển xe ô tô BKS 20C-071.xx thuộc quyền sở hữu của T đi trên Quốc lộ 3B (QL3B) theo hướng thị trấn Y – G đến mỏ đá K, thôn P, xã S, huyện N để chở đá. Khi đến gần đường rẽ vào mỏ đá tại Km 82+500 QL3B thuộc thôn P, xã S thì thấy phía trước có ánh đèn pha của xe mô tô BKS 97B1-003.xx do Dương Văn T1 điều khiển theo hướng G – thị trấn Y đang đi tới. Cho rằng cho xe ô tô chuyển hướng thì vẫn đảm bảo an toàn nên T cho xe rẽ trái để vào đường đi mỏ đá K. Khi đầu xe ô tô vừa đến mép đường bên trái theo hướng thị trấn Y đi G thì T nghe thấy âm thanh va chạm mạnh ở phía bên phải xe ô tô. T dừng xe xuống kiểm tra thì thấy chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.xx đâm vào vùng giữa đầu xe và bên xe ô tô, xe mô tô đang nằm đổ trên đường nhựa còn người điều khiển xe mô tô là ông Dương Văn T1 nằm ngửa trên xe. Do xe ô tô đang đỗ ngang đường nên T đã điều khiển xe ô tô của T đi vào đường hướng mỏ đá cách vị trí xảy ra tai nạn khoảng 20m thì dừng xe ở bên lề phải đường rồi quay xuống vị trí xảy ra va chạm để quan sát lại thì thấy ông T1 đã tử vong. T sử dụng điện thoại di động gọi cho anh trai ruột là Nông Văn H2 nhưng không được nên đã gọi điện cho vợ anh H2 là chị Hoàng Thị D để thông báo sự việc và nhờ anh H2 xuống hiện trường giải quyết. Sau đó do sợ người nhà nạn nhân đánh nên T tắt nguồn điện thoại và trốn lên rừng gần đó. Đến khoảng 02 giờ ngày 01/01/2022, anh H2 đến khu vực đó gọi T về nhà anh H2 ngủ. Đến 07 giờ 10 phút ngày 01/01/2022, T đến Công an huyện N để đầu thú.

Ngay sau khi đến trình diện, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã tiến hành đo nồng

độ còn trong khí thở, xét nghiệm chất ma túy đối với Nông Văn T. Kết quả xác định Nông Văn T dương tính với Morphine.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lập ngày 31/12/2021 ghi nhận:

- Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường nhựa trải áp phan, thẳng, không bị che khuất tầm nhìn, đường rộng 6,50m, lề phải rộng 0,9m, lề trái rộng 1,9m (Theo hướng G – Y); tâm đường có vạch kẻ đường nét đứt màu vàng, hai lề đường có vạch sơn liền màu trắng rộng bằng nhau rộng 16cm; lề đường bên phải giao với đường rẽ vào mỏ đá K, đường giao rộng 12m. Cách hiện trường 134m về phía G có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên ở lề đường bên phải (Theo hướng G – Y). Cách hiện trường về phía thị trấn Y 115m trên lề đường bên trái có biển báo giao nhau với đường không ưu tiên (Theo hướng Y - G).

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) là vị trí 02 chiếc mũ; (2) là vị trí vết màu nâu đỏ; (3) là vị trí 01 chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.63; (4) là vị trí phát hiện nhiều mảnh vỡ nhựa; (5) là vị trí 01 chiếc xe ô tô BKS 20C-071.48; (6) là vị trí bám nhiều mảnh vỡ nhựa.

Lấy cột mốc H5/82 ở lề đường bên trái và mép đường nhựa bên phải làm chuẩn (Theo hướng G – Y).

Cách cột mốc H5/82 về phía Y 6m; cách mép đường nhựa bên phải 1,70m trên mặt đường nhựa phát hiện 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, loại nửa đầu, có kính chắn gió, 01 mũ nhựa (Vị trí số 1).

Cách vị trí số 01 về phía Y 3,30m; cách mép đường nhựa bên phải 1,50m (Đo đến tâm vùng dấu vết) phát hiện một vùng dấu vết màu nâu đỏ còn ướt trong diện (1,20m x 0,3m) (Vị trí số 2).

Cách vị trí số 01 về phía Y 3,80m; cách mép đường nhựa bên phải 2m (Đo đến đầu trục sau bên trái xe mô tô BKS 97B1 – 003.xx) phát hiện xe mô tô nằm đổ trên mặt đường, xe đổ sang bên phải, đầu xe quay hướng Y, đuôi xe quay hướng G. Đầu trục trước bên trái cách mép đường nhựa bên phải 1,80m, yên xe bị lật, bánh xe trước bị gãy gập cong vênh, phần nhựa đầu xe vỡ hỏng (Vị trí số 3).

Cách vị trí số 01 về phía Y 4,70m; cách mép đường nhựa bên phải 0,90m (Đo đến tâm vùng dấu vết) phát hiện nhiều mảnh vỡ nhựa màu trắng, xanh, đen có kích thước to nhỏ khác nhau nằm trong diện (2,20m x 1,60m) (Vị trí số 4).

Cách vị trí số 01 về phía mỏ đá K 29,50m (Đo đến đầu trục sau bên trái xe ô tô BKS 20C-071.xx), khu vực này mặt đường rộng 4,80m phát hiện xe ô tô BKS 20C-071.xx đang đỗ đầu xe quay hướng mỏ đá K, đuôi xe quay hướng QL3B. Đầu trục sau bên trái cách đường nhựa bên trái 2,50m, đầu trục trước bên trái cách mép đường nhựa bên trái 3,0m (Theo hướng QL3B – mỏ đá K) (Vị trí số 5).

Tại khu vực sát xi bên phải, thùng dầu ben, lỗ giẫm chân đầu thùng ben bên phải xe ô tô BKS 20C-071.xx có bám nhiều mảnh vỡ màu đen, trắng, xanh có kích thước to nhỏ khác nhau (Vị trí số 6).

Tiến hành kiểm tra trong cốp xe mô tô BKS 97B1 – 003.xx và trong xe ô tô BKS 20C-071.xx không có tài sản gì. Xe ô tô trong tình trạng không chở hàng hóa.

Thu dấu vết màu nâu đỏ tại vị trí số (2) niêm phong ký hiệu A1; thu mẫu mảnh vỡ nhựa ở vị trí số (4) niêm phong ký hiệu A2; thu mẫu mảnh vỡ nhựa ở vị trí số (6) niêm phong ký hiệu A3; 01 mũ bảo hiểm, 01 mũ nhựa; 01 xe ô tô BKS 20C-071.48; 01 xe mô tô BKS97B1-003.xx.

Từ kết quả khám nghiệm hiện trường xác định khu vực xảy ra va chạm nằm hoàn toàn ở phần đường bên trái theo hướng Y – G.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

- Xe mô tô BKS 97B1- 003.xx:

+ Toàn bộ phần đầu xe gồm: Mặt đồng hồ; đèn pha, mặt nạ trước bị hư hỏng hoàn toàn; chắn bùn trước bị hư hỏng hoàn toàn, ba chạc bị cong gập từ trước ra sau, phần bánh trước của xe mô tô: Vành, nan hoa bị cong, gập, gãy, cong vênh móp méo hoàn toàn từ trước ra sau; bộ phận lọc gió bị vỡ hoàn toàn còn lại ống lọc gió gắn với thân máy; khung trước của xe gắn với ba chạc, phần trên có hai tay nắm điều khiển bị cong gập từ trước ra sau; phần giá đỡ mặt nạ trước bị cong gập từ trái sang phải, từ trước ra sau.

+ Phần chốt giữ chắn bùn trước bị cong gập từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

+ Phần đầu ốp sườn bên trái bị vỡ, bung bật khỏi vị trí ban đầu.

+ Chân giẫm phanh bên phải của xe cong gập từ trước ra sau.

+ Phần yên xe bị bung bật khỏi vị trí ban đầu (Phần khóa cốp xe)

+ Mặt trước chân gương bên phải có vết trầy xước kim loại theo hướng từ trước ra sau, từ dưới lên trên.

Tại thời điểm kiểm tra chiếc xe mô tô 97B1-003.xx không có gương chiếu hậu bên phải, không có cánh yếm hai bên, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa điện; không kiểm tra được hệ thống phanh, đèn, còi.

- Xe ô tô BKS 20C-071.xx:

+ Tại phần đầu trên thành bên xe bên phải phía trước phát hiện có dấu vết màu nâu đỏ trên diện 6,5cm x 0.5cm cao cách mặt đất 1,40 m.

+ Tại mặt ngoài 1/3 thành bên xe bên phải phía trước phát hiện nhiều vết trượt xước sơn trên diện 20 cm x 25cm. Tâm của dấu vết cao cách mặt đất 1,0m.

+ Tại vị trí 1/3 thanh giữ bánh xe dự phòng bên ngoài phát hiện nhiều dấu vết trượt xước sơn nhám nhỏ có chiều hướng từ phải sang trái trên diện 6cm x 10cm. Tâm của dấu vết cao cách mặt đất 1,10m.

+ Tại vị trí bình dầu bơm ben bị cong gập từ trước ra sau, từ ngoài vào trong, từ phải sang trái, vị trí hai ốc đỡ bình dầu bơm ben bị bung bật khỏi vị trí ban đầu.

+ Tại 1/3 mặt trên thanh đỡ phía trên bình dầu bơm ben phát hiện có vết xước mất kim loại có kích thước 2cm x 1cm.

+ Tại mặt trước phía trên bên ngoài bình dầu bơm ben phát hiện có vết lõm kim loại từ ngoài vào trong, từ trước ra sau trên diện 6cm x 5cm.

+ Tại mặt ngoài góc dưới cabin bên phải phát hiện có vết trượt xước sơn từ sau ra trước trên diện 7cm x 10cm, cao cách mặt đất 1,04m.

Kết quả giám định an toàn kỹ thuật: Ngày 05/01/2022, cơ quan CSĐT Công

an huyện N trưng cầu Hội đồng thẩm định kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ tỉnh Bắc Kạn giám định an toàn kỹ thuật của xe ô tô BKS 20C-071.xx và xe mô tô BKS 97B1-003.xx.

Tại biên bản giám định kỹ thuật xe ô tô BKS 20C-071.xx ngày 26/01/2022 kết luận: “Tại thời điểm kiểm tra hệ thống an toàn của xe như hệ thống phanh, hệ thống lái còn hoạt động tốt; hệ thống đèn còn đầy đủ, còn sáng, còi điện còn hoạt động tốt.

Tại thời điểm xảy ra tai nạn ngày 31/12/2021, thời hạn giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ số KC-4575111 không còn hiệu lực, không đủ điều kiện để lưu hành (Có hiệu lực đến hết ngày 28/6/2018)”.

Tại biên bản giám định kỹ thuật xe mô tô BKS 97B1 – 003.xx ngày 26/01/2022 kết luận: “Tại thời điểm kiểm tra hệ thống an toàn của xe như: Hệ thống phanh chân tác động bánh xe phía sau còn đầy đủ; còi điện, động cơ còn đầy đủ, nhưng không kiểm tra được hoạt động; một số hệ thống khác hư hỏng theo nội dung kiểm tra xe thực tế ở trên”.

Kết quả giám định các mảnh vỡ nhựa: Ngày 16/02/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện N đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định các mảnh vỡ nhựa thu giữ tại vị trí xe mô tô BKS 97B1-003.xx nằm đổ nghiêng tại hiện trường và các mảnh vỡ nhựa bám dính trên xe ô tô BKS 20C-071.xx thu giữ khi khám nghiệm hiện trường. Tại bản kết luận giám định số 973/KL-KTHS ngày 08/3/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận các mảnh vỡ thu giữ ở hai vị trí trên cùng loại.

Kết quả định giá tài sản bị thiệt hại: Ngày 22/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện N yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N định giá giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô 97B1-003.xx tại thời điểm xảy ra tai nạn.

Tại văn bản số 04 ngày 08/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N trả lời: “Hội đồng kết luận không định giá được tài sản nêu trên với các lý do: Tài sản nêu trên đã hết giá trị hao mòn; Hội đồng không khảo sát được giá của các loại tài sản với những thông tin và đặc điểm nêu trong yêu cầu định giá”.

Kết quả giám định nguyên nhân tử vong: Ngày 31/12/202, Cơ quan CSĐT Công an huyện N trưng cầu giám định viên pháp y Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định nguyên nhân tử vong của ông Dương Văn T1. Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 01/KTHS-PY ngày 07/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “Nạn nhân Dương Văn T1, sinh năm 19xx, trú tại thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn bị sốc không phục hồi sau đa chấn thương mạnh vùng mặt gây vỡ xương hộp sọ, gãy sập xương sống mũi, vỡ xương gò má hai bên, gãy xương hàm trên và xương hàm dưới; chấn thương vùng ngực làm gãy xương sườn số 02, 03, 04 dẫn đến tử vong”.

Quá trình điều tra, truy tố, bị can Nông Văn T đã khai nhận trước khi xảy ra tai nạn khoảng 02 đến 03 ngày bị can có uống rượu ngâm cây anh túc tại nhà của bị can. Tại biên làm việc lập ngày 22/02/2022, Công an xã C trả lời: Nông Văn T không nằm trong danh sách người nghiện và tại Phiếu xét nghiệm lập ngày 29/7/2022 của Trung tâm y tế huyện N kết luận: Nông Văn T âm tính với Opiate, Amphetamin, Methamphetamin, Marijuana. Lời khai nhận của bị can trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương

tiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị can xuất phát từ việc bị can không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ (Điều khiển xe ô tô trong tình trạng trong cơ thể có chất Morphine) và do bị can chủ quan, trước khi cho xe chuyển hướng mặc dù quan sát thấy phía trước đang có xe đi ngược chiều đến nhưng bị can không nhường đường mà vẫn điều khiển xe chuyển hướng dẫn đến gây tai nạn khiến ông Dương Văn T1 chết. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố bị can đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổng số tiền 110.000.000,đ cho gia đình của người bị hại và được người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ TNHS; sau khi xảy ra vụ va chạm, bị can đã đến Công an huyện N để đầu thú.

Về vật chứng của vụ án:

- + 01 xe ô tô BKS 20C-071.xx;
- + 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, tên chủ xe Nông Văn T5, biển số đăng ký 20C-071.xx.
- + 01 giấy phép lái xe, họ tên Nông Văn T, hạng C.
- + 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; biển đăng ký 20C-071.xx có hiệu lực đến hết ngày 28/6/2018.
- + 01 giấy bán, cho, tặng xe ô tô lập ngày 28/12/2017 của bà Vũ Thị H3.
- + 01 xe mô tô BKS 97B1-003.xx.
- + 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu;
- + 01 mũ nhựa.
- + 01 đăng ký mô tô, xe máy, tên chủ xe Lý Văn T3; biển số đăng ký 97B1-003.
- + 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1.
- + 01 phong bì niêm phong, trên mép dán có 02 chữ ký của Ma Đình Huyền và Ng.T.Thúy.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Dương Văn Q là người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà L, anh H, anh T2 yêu cầu bị can phải bồi thường các khoản tiền mai táng phí, bù đắp tổn thất về tinh thần và thiệt hại của chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.xx với tổng số tiền 110.000.000,đ. Đến nay, Nông Văn T đã bồi thường xong; những người đại diện hợp pháp của bị hại không còn yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-NR ngày 10/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử Nông Văn T về "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm b, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS 2015).

Tại phiên tòa, Nông Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của T tại cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố. Ngoài ra T còn trình bày: Giữa T với gia đình bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau. Việc xảy ra va chạm giao thông dẫn đến chết người là do T điều khiển xe ô tô chuyển hướng không nhường đường cho xe đi ngược chiều. Tại điểm xảy ra va chạm thì trời đã choạng vạng tối và mặc dù trước khi điều khiển cho xe ô tô chuyển hướng T có phát hiện có người điều khiển xe mô tô đi ngược chiều đang điều khiển mô tô đi đến gần, nhưng do chủ quan cho rằng sẽ không xảy ra va chạm. Sau khi xảy ra sự việc thì T

đã dừng xe kiểm tra sự việc và thông báo cho chị D nhờ chị Duyên và anh H2 đến giải quyết giúp. Nhận thức được lỗi và trách nhiệm của bản thân nên sáng hôm sau T đã đến Công an huyện N đầu thú khai nhận hành vi của mình, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để khai báo, cùng với gia đình nạn nhân để lo hậu sự cho nạn nhân, bồi thường khắc phục hậu quả cho các khoản thiệt hại về mai táng phí, tổn thất về tinh thần và tài sản. Bản thân T đã bồi thường xong trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên. Số tiền T đã bồi thường cho gia đình bị hại là do vợ chồng T vay mượn của anh Nông Văn H2. Đối với số tiền vay của anh H2, vợ chồng T cùng có trách nhiệm trả cho anh H2 và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chiếc xe ô tô BKS 20C-071.xx là tài sản chung của T với chị H nên đề nghị được xin lại chiếc xe ô tô và cam kết chấp hành đúng quy định của pháp luật khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông. Chiếc xe ô tô của gia đình T là ô tô tải 950kg được gia đình tiết kiệm mua về phục vụ cho gia đình là chủ yếu và thỉnh thoảng hộ bà con trong thôn xóm. Đối với chiếc xe mô tô của bị hại, do đã hư hỏng hoàn toàn, đại diện bị hại không có yêu cầu lấy lại, đề nghị Tòa án tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, T không có khiếu nại gì về hành vi tố tụng của điều tra viên, cơ quan điều tra; kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát. Tại phiên tòa và lời nói sau cùng, Nông Văn T xin được xem xét được cải tạo tại địa phương.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa – Anh Dương Văn Q trình bày: Anh là con trai của bị hại và anh là người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị L; anh Dương Văn H; em Dương Văn T2 tham gia tố tụng. Nay tại phiên tòa anh nhất trí với nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Ngoài ra anh còn trình bày: Anh và mẹ anh, các anh, em anh không có mâu thuẫn gì với Nông Văn T. Anh Nông Văn T đã bồi thường xong cho gia đình anh các khoản: Tiền mai táng phí, tổn thất về tinh thần và tài sản là chiếc xe mô tô (Thiệt hại về tính mạng và tài sản) nên gia đình anh không còn yêu cầu anh Nông Văn T phải bồi thường thêm khoản nào khác nữa; đối với chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.xx đã hỏng hiện đang bị tạm giữ thì anh và gia đình anh không yêu cầu lấy lại chỉ yêu cầu lấy lại 02 chiếc mũ bảo hiểm của bố anh cùng giấy đăng ký xe mô tô. Sự việc đã xảy ra không ai mong muốn, nên gia đình anh cùng có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ TNHS, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Ngoài ra anh và gia đình anh không còn có ý kiến gì khác.

Bà Nông Thị L, anh Dương Văn T2, anh Dương Văn H có mặt tại phiên tòa nhất trí giữ nguyên người đại diện theo ủy quyền cho họ; nhất trí với lời trình bày trên của anh Quang và không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Tại Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa - Chị Nông Thị H, là vợ của Nông Văn T trình bày: Chiếc xe ô tô là tài sản chung của gia đình. Anh T hàng ngày hay lái xe đi làm. Chị biết thông tin anh T lái xe gây tai nạn qua chị Hoàng Thị D. Còn tại nhà chị thì có bình rượu ngâm cây anh túc do anh T lấy về từ thời gian nào chị không rõ, hiện nay anh T đã đổ bỏ đi. Đối với số tiền anh T đã sử dụng để bồi thường cho gia đình bị hại được vợ chồng chị vay mượn của anh H2 nên vợ chồng chị có trách nhiệm trả cho anh H2 và không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ hoàn trả của vợ chồng chị cho anh H2.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Nông Văn H2 trình bày: Chị D là vợ anh nhưng do chị D có việc nhà không đến tham gia phiên tòa được. Anh H2 công nhận các tình tiết của vụ án liên quan đến anh H2 và chị D đúng như bản cáo

trạng đã nêu và không còn có ý kiến khác; lời khai có trong hồ sơ vụ án của chị D phù hợp với nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Anh H2 thừa nhận số tiền 110.000.000,đ mà T đã bồi thường cho gia đình bị hại là do vợ chồng T vay của anh và là tài sản riêng của anh. Anh không yêu cầu Tòa án quyết nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên của vợ chồng T cho anh.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Lý Văn T3 trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.xx được anh mua năm 2011 và đã đăng ký mang tên anh. Năm 2012 anh bán chiếc xe mô tô này cho anh ông Lý Văn T5 (Tên gọi khác Lý Văn T4), còn sau đó ông T5 bán chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.xx cho ai thì anh không biết. Ngoài ra anh không còn có ý kiến gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, anh Lý Văn T4 trình bày: Anh có tên gọi khác là Lý Văn T5. Anh có được mua của anh Lý Văn T3 01 chiếc xe mô tô có BKS 97B1-003.xx nhưng không rõ vào thời gian nào. Khi mua xe thì không lập giấy tờ mua bán gì. Sau khi mua xe được mấy tháng thì anh có được bán lại chiếc xe mô tô BKS 97B1-003.xx cho ông Dương Văn T1 và cũng không lập giấy tờ gì. Ngoài ra anh không còn có ý kiến gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai, chị Hà Thị A đã khai nhận như bản cáo trạng đã nêu. Ngoài ra chị A không còn có ý kiến gì khác và cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật.

Tại biên bản ghi lời khai, anh Nông Văn T6 và chị Vũ Thị H3 đã khai nhận các tình tiết liên quan đến chiếc xe ô tô BKS 20C-071xx đúng như bản cáo trạng đã nêu và không còn có ý kiến gì khác. Anh T6, chị H3 đều cam đoan lời của họ là đúng sự thật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; 54 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 30 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhận được bản án, quyết định thi hành án đối với bị cáo Nông Văn T. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô đối với bị cáo; không giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo với gia đình bị hại; về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS 2015): Hoàn trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 xe ô tô BKS 20C-071.xx, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, tên chủ xe Nông Văn T6, biển số đăng ký 20C-071.xx; 01 giấy phép lái xe, họ tên Nông Văn T, hạng C; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; biển đăng ký 20C-071.xx có hiệu lực đến hết ngày 28/6/2018; 01 giấy bán, cho, tặng xe ô tô lập ngày 28/12/2017 của bà Vũ Thị H3; tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô BKS 97B1-003.xx; hoàn trả lại cho anh Dương Văn Q: 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu và 01 mũ nhựa và 01 đăng ký mô tô, xe máy, tên chủ xe Lý Văn T3; biển số đăng ký 97B1-003.xx; tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 và 01 phong bì niêm phong, trên mép dán có 02 chữ ký của Ma Đình Huyền và Ng.T.Thúy. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người làm chứng vắng mặt không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng là chị Hà Thị A, anh Nông Văn T6, Vũ Thị H3, chị Hoàng Thị D. Những người tham gia tố tụng có mặt và Kiểm sát viên đề nghị phiên tòa tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy, Những người làm chứng nói trên vắng mặt nhưng đã có lời khai, nên quyết định phiên tòa được tiếp tục xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 293 của BLTTHS 2015.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Nông Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra; lời khai của người đại diện theo pháp luật, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 31/12/2021, bị cáo điều khiển xe ô tô BKS 20C-071.xx tham gia giao thông đi trên đường QL3B theo hướng Y – G. Khi điều khiển xe ô tô đến Km 82+500 QL3B, đoạn đường giao nhau với đường không ưu tiên thuộc thôn P, xã S, huyện N, do đánh giá, nhận định sai về khả năng gây ra va chạm nên bị cáo đã điều khiển xe ô tô chuyển hướng và gây ra va chạm giao thông với xe mô tô có BKS 97B1-003.xx do ông Dương Văn T1 điều khiển. Tại thời điểm xảy ra va chạm hai phương tiện tham gia giao thông nói trên thì bị cáo đang dương tính với ma túy nên đã vi phạm quy tắc điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 7 Điều 8; khoản 2 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ. Hậu quả của hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ này đã làm cho ông Dương Văn T1 chết ngay sau va chạm giao thông.

Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 260 của BLHS 2015, nội dung điều luật quy định: "*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) Làm chết người;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...b) Trong tình trạng...có sử dụng chất ma túy...

...5. Người phạm tội còn có thể bị ...cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Xét các tình tiết quyết định mức hình phạt:

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do quá tự tin nên mặc dù thấy trước hậu quả thiệt hại có thể xảy ra nhưng do quá tự tin, phán đoán sai cho rằng hậu quả đó không xảy ra nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, xâm phạm đến tính mạng của người khác; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Về nhân thân: Trước đó, vào ngày 25/10/2006, Nông Văn T khi đang điều khiển xe mô tô BKS 97F1-83xx cũng đã gây va chạm với xe đạp làm người điều khiển xe đạp bị tử vong sau khi đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Việt Đức Hà Nội. Tại bản án số 08/2007/HSST ngày 25/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã tuyên xử bị cáo 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Ngoài ra bản án còn tuyên bị cáo phải chịu 50.000,đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tại biên bản xác minh lập ngày 30/3/2022 của Cơ quan CSĐT Công an huyện đối với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N thì bị cáo đã chấp hành xong khoản tiền án phí HSST theo quyết định thi hành án số 60 ngày 06/7/2007 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Ngoài ra, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; gia đình bị cáo chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước (Có xác nhận của UBND xã C); bản thân bị cáo không phải là người nghiện ma túy (Có biên bản xác minh của Công an huyện N và phiếu xét nhiệm ma túy của Trung tâm y tế huyện N); bị cáo không có tiền án, tiền sự. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này sẽ được Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi quyết định mức hình phạt.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Do bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra, sau khi xảy ra va chạm giao thông bị cáo đã gọi anh Nông Văn H2, chị Hoàng Thị D đến hiện trường xử lý vụ việc, bản thân bị cáo đã đến cơ quan Công an huyện N để đầu thú, phối hợp khai báo để cơ quan chức năng giải quyết vụ việc kịp thời; bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã rất ăn năn hối cải, cùng với gia đình nạn nhân lo lắng hậu sự chu đáo cho bị hại; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình nạn nhân, bị cáo được những người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 của Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi vô ý, có nhiều (04) tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng; gia đình bị hại đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 54/BLHS cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên HĐXX thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có đủ điều kiện áp dụng Điều 36/BLHS cho bị cáo được hưởng loại hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do chiếc xe ô tô tải không là phương tiện hành nghề chính của bị cáo; bị cáo chỉ sử dụng chủ yếu cho gia đình và khi mọi người trong thôn xóm nhờ; mặt khác bị cáo cam kết sau vụ việc đã xảy ra sẽ chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông, nên xét thấy không cần áp dụng biện pháp cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô là phù hợp.

Về việc khấu trừ thu nhập: Do bị cáo là người dân tộc thiểu số; gia đình bị cáo làm nghề nông nghiệp, công việc không ổn định (Có xác nhận của UBND xã C); mẹ bị cáo đã vào tuổi 80; điều kiện kinh tế của bị cáo và gia đình khó khăn, nên xét thấy cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo là phù hợp.

Đối với các hành vi không làm thủ tục đăng ký sang tên xe theo quy định khi mua xe; điều khiển xe ô tô BKS 20C-071.xx tham gia giao thông không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực; đưa xe ô tô có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đã hết hạn sử dụng tham gia giao thông của bị cáo đã được cơ quan CSĐT Công an huyện chuyển tài liệu cho Công an huyện N để xử lý hành chính là có căn cứ:

[3] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi gây ra vụ tai nạn giao thông, bị cáo đã cùng gia đình của bị hại thỏa thuận bồi thường thiệt hại và bị cáo đã bồi thường xong số tiền 110.000.000,đ cho các khoản thiệt hại về tính mạng và tài sản bị xâm phạm theo biên bản thỏa thuận lập ngày 17/4/2022; tại phiên tòa những người đại diện hợp pháp của bị hại không đề nghị bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với khoản tiền 110.000.000,đ đã bồi thường cho gia đình bị hại là do Nông Văn T và chị Nông Thị H vay mượn riêng của anh Nông Văn H2. Do Anh Nông Văn H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ hoàn trả của chị Nông Thị H, Nông Văn T cho anh nên nghĩa vụ hoàn trả của chị Nông Thị H, Nông Văn T cho anh Nông Văn H2 không được đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô BKS 20C-071.xx được bị cáo sử dụng để làm phương tiện vận chuyển hàng hóa chứ không có mục đích phạm tội nên hoàn trả lại cho bị cáo Nông Văn T kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, tên chủ xe Nông Văn T6, biển số đăng ký 20C-071.xx; 01 giấy phép lái xe, họ tên Nông Văn T, hạng C; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, biển đăng ký 20C-071.xx có hiệu lực đến hết ngày 28/6/2018; 01 giấy bán, cho, tặng xe ô tô lập ngày 28/12/2017 của bà Vũ Thị H3.

- 01 xe mô tô BKS 97B1-003.xx là tài sản thuộc sở hữu của Dương Văn T1 và bà Nông Thị L đã bị hư hỏng, bà L và những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

- 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu và 01 mũ nhựa thuộc sở hữu của ông Dương Văn T1 (đã chết) cùng 01 đăng ký mô tô, xe máy, tên chủ xe Lý Văn T3 biển số đăng ký 97B1-003.xx bà Nông Thị L (vợ ông Tiên) có yêu cầu được nhận lại nên cần trả lại cho bà Nông Thị L.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 và 01 phong bì niêm phong, trên mép dán có 02 chữ ký của Ma Đình Huyền và Ng.T.Thúy được xác định có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các vật chứng trên có số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 15/6/2022.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm truy tố, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung và biện pháp tư pháp của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 260; Điều 36, 47; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 của BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các Điều 106, 136, Điều 293; 331; 333 của BLTTHS 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

[1] Về tội phạm: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T (Tên gọi khác: Không) phạm "Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao bị cáo Nông Văn T cho UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nông Văn T.

- Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

Trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01 xe ô tô BKS 20C-071.48, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, tên chủ xe Nông Văn T6, biển số đăng ký 20C-071.xx; 01 giấy phép lái xe, họ tên Nông Văn T, hạng C; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; biển đăng ký 20C-071.xx có hiệu lực đến hết ngày 28/6/2018; 01 giấy bán, cho, tặng xe ô tô lập ngày 28/12/2017 của bà Vũ Thị H3.

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô BKS 97B1-003.xx.

- Trả lại cho bà Nông Thị L: 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu và 01 mũ nhựa và 01 đăng ký mô tô, xe máy, tên chủ xe Lý Văn T3 biển số đăng ký 97B1-003.xx

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu A1 và 01 phong bì niêm phong, trên mép dán có 02 chữ ký của Ma Đình Huyền và Ng.T.Thúy.

Các vật chứng trên có số lượng, tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N lập ngày 15/6/2022.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Dương Văn Q, bà Nông Thị L, anh Dương Văn H, anh Dương Văn T2. Bị cáo, những người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nông Văn H2, chị Nông Thị H có mặt có quyền kháng cáo đến phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại;
người có quyền lợi liên quan;
- VKS huyện N; VKS tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- Công an huyện N;
- Phòng quản lý hồ sơ CA Huyện;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Lưu Hồ sơ. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA